

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9- 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Văn
2. Ông Trần Văn Hà

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền- KSV

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V - Sinh năm: 1983
Địa chỉ: Thôn Vân Hoàn, xã Nga P, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H - Sinh năm: 1980
Địa chỉ: Thôn Vân Hoàn, xã Nga P, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/7/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh H tự nguyện về chung sống với nhau vào cuối năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga P (xã Nga L cũ). Quá trình chung sống đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H chơi bời, cờ bạc và còn có quan hệ ngoài luồng. Vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm sống, anh H có hành vi bạo hành và thường đe dọa tính mạng đối với chị. Chị và gia đình cũng cho anh nhiều cơ hội nhưng anh vẫn không cải sửa. Ngày 26/2/2020 chị đã đề nghị Tòa giải quyết ly hôn, do anh H xin chị cơ hội để khắc phục sai lầm nên chị đã rút đơn khởi kiện. Thực tế anh không có sự thay đổi, mặc dù vẫn sinh sống cùng một nhà, nhưng trong cuộc sống giữa chị và anh H không ai còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét để chị được ly hôn anh H theo quy định; Về con: Quá trình chung sống giữa chị và anh H có 3 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 07/7/2001;

Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/10/2004; Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 09/02/2006. Hiện tại cháu D đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi 2 cháu H và Ph, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng chị đề nghị giải quyết theo quy định; về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày: anh và chị V chung sống cùng nhau từ cuối năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị V luôn nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình, lấy tài sản của gia đình đi chơi bời. Anh luôn quan tâm đến gia đình nhưng chị V luôn hờ hững, vô tâm với anh. Anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị được đoàn tụ; Về con: anh thống nhất như ý kiến chị V đã trình bày. Chị V vẫn cương quyết xin ly hôn anh, các cháu muốn ở với ai, anh hoàn toàn đồng ý. Nếu chị V đề nghị nuôi con anh cũng đồng ý nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con chung; trường hợp anh được quyền nuôi các con anh cũng không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: anh thống nhất tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân, tiến hành hòa giải về con chung và tài sản theo quy định. Tuy nhiên, khi thông qua biên bản anh H bỏ về và không ký vào các biên bản làm việc.

Mặc dù anh H đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân; về con chung và về tài sản. Đối với bị đơn anh H, được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: nguyên đơn đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Hữu H là vợ chồng; về con giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/10/2004; Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 09/02/2006 cho chị V trực tiếp

nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị V không yêu cầu; về án phí chị V phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về tố tụng: Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn: Theo các đương sự trình bày: Từ cuối năm 2001 chị V và anh H về chung sống cùng nhau, có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga B cũng như UBND xã Nga P theo quy định. Quá trình chung sống hai bên thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm không thể duy trì. Chị V đề nghị ly hôn, anh H muốn đoàn tụ. Xét thấy, chị V, anh H khi xây dựng cuộc sống chung đảm bảo điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền mà lại chung sống như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Do đó, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, quá trình chung sống như vợ chồng của chị V và anh H đã tồn tại trong thời gian dài và phát sinh mâu thuẫn. Chị V đề nghị giải quyết ly hôn, anh H không nhất trí. Xét việc đề nghị của chị V là hoàn toàn chính đáng, nhưng không có cơ sở để giải quyết ly hôn. Căn cứ vào Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình “Không công nhận quan hệ của chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Hữu H là vợ chồng” là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Quá trình chung sống chị V và anh H có 03 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 07/7/2001; Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/10/2004; Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 09/02/2006. Hiện tại cháu D đã trưởng thành nên các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Sau ly hôn, chị V đề nghị được nuôi cháu H và Ph, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét đề nghị xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung của chị V là chính đáng. Để đảm bảo quyền lợi cũng như sự chăm sóc cháu H và Ph về mọi mặt, nên giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp ý kiến của anh Hải.

[3] Về tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Hữu H là vợ chồng.

2. Về con: Giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/10/2004 và Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 09/02/2000 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí DSST là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0010828 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn; chị V đã nộp đủ án phí DSST;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự

4. Quyền kháng cáo: Chị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

